TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 448/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 16 – 9 – 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Minh Chánh;
2. Ông Lý Khắc Chung.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú*: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2019, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 26/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị HTT, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp HL, xã HB, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh NHD, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp BT, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2017, nguyên đơn chị T trình bày như sau: Năm 2014, chị T và anh D chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, sống ly thân từ tháng 11/2015 đến nay. Chị T xin yêu cầu ly hôn với anh D. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Hồng Như Ý, sinh ngày 11/11/2015. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn anh D trình bày ý kiến như sau: Anh D thống nhất chung sống với chị T nhưng chưa đăng ký kết hôn, đồng ý ly hôn, thống nhất có 01 con chung với chị T nhưng con chung tên là Nguyễn Ngọc Ý, sinh ngày 11/11/2015. Sau khi sinh Ngọc Ý được vài tháng, thì anh D

trực tiếp làm giấy khai sinh cho Ngọc Ý tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh và khai họ tên là Nguyễn Ngọc Ý. Khi ly hôn, anh D yêu cầu được nuôi con chung, lý do con chung do anh D đang trực tiếp nuôi, có nghề nghiệp ổn định làm thợ hàn tiện tại nhà, có đủ điều kiện, thu nhập để nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; chị T đồng ý giao con chung tên Hồng Như Ý, sinh ngày 11/11/2015 (ngoài ra có tên là Nguyễn Ngọc Ý, sinh ngày 11/11/2015) cho anh D trực tiếp nuôi, chị T không tranh chấp về quyền nuôi con với anh D. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh D: Vắng mặt tại phiên tòa.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị T và anh D chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là không đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh D trình bày ý kiến anh D đồng ý ly hôn, thực tế anh chị chung sống nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh D.

+ Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, anh D và chị T thống nhất vợ chồng có 01 con chung. Tuy nhiên con chung có hai tên khác nhau do anh D và chị T, mỗi người đăng ký khai sinh cho con chung với một tên khác nhau như sau: Theo đăng ký khai sinh do anh D thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh thì họ và tên của con chung là Nguyễn Ngọc Ý, sinh ngày 11/11/2015 đang do anh D trực tiếp nuôi, còn chị T khi nộp đơn ly hôn thì khai con chung tên là Hồng Như Ý, sinh ngày 11/11/2015 do chị T đi làm giấy khai sinh cho con vào ngày 10/02/2017. Như vậy, anh chị thống nhất có 01 con chung nhưng có hai tên theo hai giấy khai sinh. Tại phiên tòa, chị T đồng ý giao con chung có tên Hồng Như Ý, sinh ngày 11/11/2015 (Nguyễn Ngọc Ý, sinh ngày 11/11/2015) cho anh D trực tiếp nuôi nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi, anh D quá trình

giải quyết vụ án anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nên không xem xét.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có. Đồng thời xem xét giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh D đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp BT, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Các đương sự có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chưa đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh D và chị T thống nhất ly hôn vì sống ly thân đã lâu, không còn yêu thương nên không thể tiếp tục chung sống. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị HTT và anh NHD.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, anh chị thống nhất có 01 con chung nhưng họ và tên của con chung thì anh D khai là Nguyễn Ngọc Ý, sinh ngày 11/11/2015, con chung đang do anh D trực tiếp nuôi, còn chị T khi nộp đơn ly hôn thì khai con chung tên là Hồng Như Ý, sinh ngày 11/11/2015 do chị T đi làm giấy khai sinh cho con vào ngày 10/02/2017. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nhận định như sau:

+ Về con chung: Anh D và chị T thống nhất có 01 con chung. Tuy nhiên do các đương sự cung cấp con chung có hai tên khác nhau theo hai giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã của hai tỉnh khác nhau cấp giấy khai sinh. Về giấy khai sinh con chung tên Nguyễn Ngọc Ý, sinh ngày 11/11/2015 thì do anh D thực hiện việc đăng ký khai sinh vào ngày 08/3/2016; còn giấy khai sinh con chung tên Hồng Như Ý, sinh ngày 11/11/2015 do chị T thực hiện việc đăng ký khai sinh ngày 10/02/2017. Như vậy, xét về mặt thời gian, chị T thực hiện đăng ký khai sinh sau khi anh D đã đăng ký khai sinh cho con chung của anh chị. Chị T đã biết anh D thực hiện khai sinh cho con với họ và tên là Nguyễn Ngọc Ý nhưng chị vẫn tiếp tục tiến hành đăng ký khai sinh cho con với họ và tên là Hồng Như Ý. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành công văn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã đã cấp giấy khai sinh với hai tên khác nhau nhưng Ủy ban nhân dân xã nơi thực hiện đăng ký khai sinh đều xác định việc cấp giấy khai sinh là đúng trình tự, thủ tục, đúng

thẩm quyền và không có văn bản thu hồi. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định giữa anh D và chị T có 01 con chung nhưng con chung có hai tên gọi là Nguyễn Ngọc Ý (theo giấy khai sinh số 43 ngày 08/3/2016 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh cấp) và tên gọi Hồng Như Ý, sinh ngày 11/11/2015 (theo giấy khai sinh số 28 ngày 10/02/2017 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình cấp). Tại phiên tòa, chị T đồng ý tự nguyện giao một con chung có tên Nguyễn Ngọc Ý (theo giấy khai sinh số 43 ngày 08/3/2016 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh cấp), tên gọi Hồng Như Ý, sinh ngày 11/11/2015 (theo giấy khai sinh số 28 ngày 10/02/2017 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình cấp) cho anh NHD trực tiếp nuôi. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, anh D yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, anh D vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn HTT phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0013538 ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị HTT với anh NHD.

- Về quan hệ con chung:

+ Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Ý (theo giấy khai sinh số 43 ngày 08/3/2016 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh cấp và tên gọi Hồng Như Ý, sinh ngày 11/11/2015 theo giấy khai sinh số 28 ngày 10/02/2017 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình cấp) cho anh NHD trực tiếp nuôi. Anh D không yêu cầu chị HTT cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Anh NHD cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị HTT trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn HTT phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0013538 ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh